| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẤP VÒ**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST<br>Ngày: 12-7- 2022<br>V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Văn Nội.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Huỳnh Phước Tân.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên toà***: Bà Lê Thị Kim Kương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên toà số 24/TB-TA ngày 20/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 366B, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Ông Lê Hùng M, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 366B, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 1991, bà Huỳnh Thị Mỹ L và ông Lê Hùng M được hai bên gia đình tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2010, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Uỷ ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2010. Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc nguyên nhân là do ông M sống không chung thuỷ, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường cự cải nhau, có rượu vào lại đánh đập bà L. Trong quá trình sống chung do ông M thường hành hung, kiếm chuyện chửi bới bà L nên bà L cũng đã nhiều phải rời khỏi nhà nhưng sau đó ông M có rước về và hứa hẹn sẽ sửa đổi tính tình nên vợ chồng lại đoàn tụ với nhau. Nhưng thời gian gần đây ông M lại tiếp tục hành hung, kiếm chuyện, chửi bới bà L, hơn nữa lại có người phụ nữ khác bên ngoài nên từ 3 tháng nay bà L đã về sống chung với con gái thứ 3 không còn sống chung với ông M nữa. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông M.

2. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên Lê Thanh Đ, sinh năm: 1992, Lê Thuý D, sinh 1995 và Lê Thị Chúc P, sinh ngày 26/11/2004. Nay ly hôn con chung tên Đ và D đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn con chung tên P chưa đủ 18 tuổi, nên nay ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà L khong yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết;

4. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Hùng M đã được Toà án giao thông báo thụ lý vụ án nhưng ông M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà L. Tòa án cũng đã triệu tập hợp L ông M để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ 2 nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được toà án tống đạt hợp L các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn hợp L đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của bà Huỳnh Thị Mỹ L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Bà L và ông M tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa bà L và ông M là hợp pháp. Trong thời gian chung sống bà L và ông M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông M đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Mỹ L.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Lê Thị Chúc P cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không có yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hùng M về con chung đồng ý giao con cho ông M được tiếp tục nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Bị đơn ông Lê Hùng M có hộ khẩu tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án đã triệu tập hợp L ông Lê Hùng M đến phiên toà lần thứ hai nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Hùng M.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ L và ông Lê Hùng M tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2010 vào ngày 13/4/2010 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là hợp pháp. Bà L trình bày vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc nguyên nhân là do ông M sống không chung thuỷ, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường cự cải nhau, có rượu vào lại đánh đập bà L. Trong quá trình sống chung do ông M thường hành hung, kiếm chuyện chửi bới bà L nên bà L cũng đã nhiều phải rời khỏi nhà nhưng sau đó ông M có rước về và hứa hẹn sẽ sửa đổi tính tình nên vợ chồng lại đoàn tụ với nhau. Nhưng thời gian gần đây ông M lại tiếp tục hành hung, kiếm chuyện, chửi bới bà L, hơn nữa lại có người phụ nữ khác bên ngoài nên từ 04 tháng nay bà L đã về sống chung với con gái thứ 3 không còn sống chung với ông M nữa. Xét thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông M. Lời trình bày của bà L cũng phù hợp với lời khái của 03 người con của bà L và ông M tại các biên bản lấy lời khai của Toà án.

Còn ông M từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay ông M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình. Toà án cũng đã triệu tập ông M đến Toà án tham gia phiên toà đến lần thứ hai ông M cũng đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện ông M không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Mỹ L đối với ông Lê Hùng M.

[2.2] Về con chung: Theo bà L trình bày thì quá trình chung sống bà L và ông M có 03 con chung tên Lê Thanh Đ, sinh năm: 1992, Lê Thuý D, sinh 1995 và Lê Thị Chúc P, sinh ngày 26/11/2004. Nay ly hôn con chung tên Đ và D đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn con chung tên P chưa đủ 18 tuổi nên bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Còn ông M không có ý kiến về vấn đề con chung. Tại phiên toà chị P cho rằng chị P còn mấy tháng nữa là đủ 18 tuổi và chị P cũng đã có việc làm ổn định. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật cần phải có ý kiến là do cha hay mẹ nuôi nên chị P có ý kiến là chị P có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung tên Lê Thị Chúc P, sinh ngày 26/11/2004 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L trình bày không yêu cầu Toà án giải quyết còn ông M không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà L trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết còn ông M cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về phần nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu án phí sơ là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, L phí Tòa án. Ông Lê Hùng M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Mỹ L được ly hôn với ông Lê Hùng M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thị Chúc P, sinh ngày 26/11/2004 cho bà Huỳnh Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp theo biên lai số 0008680 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Mỹ L được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hùng M được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã B;
(CNKH số 50/ quyển số 01. 2010)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Văn Nội**